

10. Hodina

Základy vietnamštiny 4 (Vzakl4)

Pětiminutovka

Họ và tên	Ngày tháng năm
Firma Pivo Voda Alkohol Čaj	Tráng miệng Sâm banh Rượu vang đỏ Ly Nóng
Rodiče se zrovna vrátili. Moje hodinky stojí.	Chị đọc quyển sách này chưa? Anh gặp bác sĩ Thành rồi.

ba - bam - ban - bang
cà - cà - càm - càn - càng
phá - phám - phán - pháng
đả - đả - đả - đả - đả
mã - mã - mã - mã - mã
lạ - lạ - lạ - lạ - lạ

cơ - cơ - cơ - cơ - cơ
đờ - đờ - đờ - đờ - đờ
tớ - tớ - tớ - tớ - tớ
phở - phở - phở - phở - phở
nỡ -ỡ -ỡ -ỡ -ỡ
chợ - chợ - chợ - chợ - chợ

tô - tô - tô - tô - tô
đồ - đồ - đồ - đồ - đồ
ngổ - ngổ - ngổ - ngổ - ngổ
hổ - hổ - hổ - hổ - hổ
gỗ - gỗ - gỗ - gỗ - gỗ
cộ - cộ - cộ - cộ - cộ

Introduction 2 – track 8 – 1:36 -

Slovesa „làm quen, giới thiệu“

Làm quen

- Seznámit se, poznat někoho
- Quen = někoho znát
- Se spojkou „vůči“

- *Tôi làm quen với chị ấy cách đây ba năm.*
- *Tôi quen chị ấy ba năm rồi.*

Giới thiệu

- Představit někoho někomu
- Se spojkou „s“

- *Tôi giới thiệu bạn tôi với anh tôi.*

Finální partikule „đây“ a „thế“

- Používá se na konci otázky při použití tázacího příslovce
- Zdvořilostní partikule
- *Anh đang làm gì đây/thế?*
- *Chị đi đâu đây/thế?*

Cvičení na časové ukazatele

Př.: Anh ấy đang học năm thứ ba. (năm nay) → Năm nay anh ấy học năm thứ ba.

1. Cô Lan đã làm việc ở đây. (từ năm 1987 đến năm 1989)
2. Chúng tôi đã học bài ấy rồi. (thứ tư tuần trước)
3. Tôi đã gặp họ ở thư viện. (hôm qua)
4. Anh John đã làm việc ở Việt Nam. (năm ngoái)
5. Tôi đã đọc tờ tạp chí ấy rồi. (hôm kia)
6. Chị Thu đã nghỉ, không đi làm việc. (tuần trước)
7. Bà Ngọc đã mua xe ô tô. (tháng trước)
8. Sinh viên đã thi môn ấy rồi. (thứ năm tuần trước)
9. Tôi đã đợi cô ấy, nhưng cô ấy không đến. (tối qua, từ 7 giờ đến 7 rưỡi)
10. Anh Thành đã ốm hai ngày. (tuần trước)

Cvičení na časové ukazatele

Př.: Anh ấy đang học năm thứ ba. (năm nay) → Năm nay anh ấy học năm thứ ba.

1. Anh ấy sẽ lái xe đi Washington D.C. (thứ hai tuần sau)
2. Cô Kathleen sẽ đi Việt Nam dạy tiếng Anh 1 năm. (sang năm)
3. Lớp chúng tôi sẽ đi ăn cơm Việt Nam ở Boston. (tối mai)
4. Họ sẽ đến đây làm việc. (tháng sau)
5. Em tôi sẽ vào “to enter, to be admitted” trường Đại học Bách khoa. (sang năm)
6. Tôi sẽ đi gặp anh ấy. (sáng mai)
7. Sinh viên sẽ thi ba môn. (tuần sau)
8. Cô ấy sẽ từ Việt Nam về Mỹ. (tháng sau)
9. Bạn tôi sẽ tổ chức ăn sinh nhật. (tối ngày kia)
10. Ông bà sẽ mua nhà ở thành phố nhỏ này. (sang năm)

Doplňte dialogy

- A: Xin giới thiệu với _____: đây là _____, còn đây là _____
- B: Chào _____
- C: Chào _____ Tôi đã nghe nói nhiều về _____

- A: Chào _____ Tôi tên là _____ Còn _____?
- B: _____
- A: Rất hân hạnh được làm quen với _____

- V hovorové vietnamštině se často říká doslova „letos 30“.
Vynechává se slovo „let“
 - Năm nay anh bao nhiêu [(tuổi)? Năm nay tôi 20 (tuổi).
- Trai x gái – rozlišení pohlaví (například u sourozenců)

Porozumění textu

Xin giới thiệu với các bạn: anh Jeff, bạn tôi. Năm nay Jeff 19 tuổi. Tôi cùng học với Jeff ở trung học, cùng tốt nghiệp trung học năm ngoái. Sau đó, Jeff thi vào một trường đại học ở California. Hiện giờ, Jeff đang học năm thứ nhất ở bên ấy.

Gia đình Jeff ở Massachusetts, có 5 người: bố mẹ Jeff, chị và em trai. Bố Jeff chuyên về máy vi tính, làm cho một công ty lớn. Mẹ Jeff làm bác sĩ ở Bệnh viện Đa khoa Massachusetts. Hai ông bà mới mua một ngôi nhà không lớn lắm nhưng rất đẹp ở thành phố Belmont. Chị Jeff tên là Judy, năm nay 23. Chị ấy đã lấy chồng, mới sinh cháu gái năm ngoái. Vợ chồng chị ấy ở gần nhà bố mẹ Jeff, hay sang thăm hai ông bà. John, em trai Jeff, đang học lớp 11. John rất giỏi toán, định sau này cũng chuyên về máy vi tính như bố Jeff. Sang năm John tốt nghiệp trung học, chưa biết sẽ thi vào trường nào. Bố mẹ Jeff muốn John học trường Đại học Kỹ thuật Massachusetts.

Nghỉ đông và nghỉ hè, Jeff từ California về thăm nhà. Jeff thích đi du lịch với gia đình. Tỉnh thoảng Jeff mời tôi đi cùng.

Odpořezte na otázky na základě předchozího textu

- 1. Anh Jeff năm nay bao nhiêu?
- 2. Jeff tốt nghiệp trung học bao giờ?
- 3. Hiện giờ Jeff học trường nào?
- 4. Gia đình Jeff ở thành phố nào?
- 5. Gia đình Jeff có mấy người? Đó là những ai?
- 6. Bố Jeff chuyên về gì? Làm ở đâu?
- 7. Mẹ Jeff làm gì? Ở đâu?
- 8. Chị Jeff năm nay bao nhiêu tuổi? Chị ấy đã lập gia đình chưa? Hiện giờ ở đâu?
- 9. Em trai Jeff tên là gì? Đang học lớp mấy?
- 10. Em trai Jeff giỏi môn nào? Bố mẹ Jeff muốn em trai Jeff thi vào trường nào?
- 11. Khi nào Jeff từ California về thăm nhà?
- 12. Khi nào bạn thường “usually” về thăm nhà?